

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.073.083.913.383	1.004.367.582.580
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	224.033.300.556	200.964.237.594
1. Tiền	111		217.117.165.556	187.464.237.594
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.916.135.000	13.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		221.012.750.502	91.315.414.965
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	259.066.796.505	227.757.256.682
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(38.054.046.003)	(136.441.841.717)
III. Các khoản phải thu	130		441.537.234.661	521.220.252.044
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	248.354.055.765	246.900.814.866
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	35.025.232.547	125.567.985.334
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	158.987.005.671	149.997.068.243
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(1.245.616.399)
IV. Hàng tồn kho	140		55.433.423.885	28.616.371.096
1. Hàng tồn kho	141	V.8	55.433.423.885	28.616.371.096
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.067.203.779	162.251.306.882
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	8.097.730.366	14.606.288.844
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.087.340.957	15.150.711.470
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	14.071.758.302	24.479.923.807
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	94.810.374.154	108.014.382.761

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.438.172.154.801	3.136.559.967.038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.784.574.193.555	1.625.768.913.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.520.795.042.762	1.311.736.609.650
<i>Nguyên giá</i>	222		2.123.328.655.828	1.760.094.977.018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(602.533.613.066)	(448.358.367.368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	11.231.556.573	15.196.274.313
<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(12.659.212.093)	(8.694.494.353)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	29.037.482.935	11.384.252.729
<i>Nguyên giá</i>	228		30.766.411.094	11.812.145.552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.728.928.159)	(427.892.823)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	223.510.111.285	287.451.776.350
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	262.211.533.407	262.419.257.921
<i>Nguyên giá</i>	241		278.948.439.795	267.774.752.981
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(16.736.906.388)	(5.355.495.060)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.327.741.995.824	1.224.119.265.585
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	6.600.000.000	105.539.643.760
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	919.302.836.598	830.330.841.131
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	427.793.871.494	424.188.611.094
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.20	(25.954.712.267)	(135.939.830.400)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.561.803.097	24.252.530.490
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	9.690.283.960	20.583.522.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	1.812.032.647	1.243.746.870
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	3.059.486.490	2.425.260.697
V. Lợi thế thương mại	269	V.24	49.082.628.918	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			4.511.256.068.185	4.140.927.549.619

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.849.483.853.409	1.769.191.772.613
I. Nợ ngắn hạn	310		801.100.409.546	688.818.470.329
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.25	365.608.704.705	184.241.453.542
2. Phải trả cho người bán	312	V.26	252.770.951.167	256.171.151.805
3. Người mua trả tiền trước	313	V.27	11.988.137.961	21.790.662.239
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.28	19.032.658.009	14.112.285.041
5. Phải trả công nhân viên	315	V.29	24.019.541.148	23.436.073.041
6. Chi phí phải trả	316	V.30	45.212.393.716	35.782.118.599
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.31	80.676.763.323	141.542.758.403
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		V.32	1.791.259.517	11.741.967.660
II. Nợ dài hạn	320		1.048.383.443.863	1.080.373.302.284
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323	V.33	308.511.675.907	309.694.513.302
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.34	720.181.812.014	757.744.207.247
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		18.090.897.343	10.940.703.745
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.599.058.599	1.993.877.990
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.471.309.331.829	2.234.934.004.142
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.470.626.397.025	2.229.086.653.191
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	475.000.000.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	1.366.907.462.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.35	4.714.185.443	7.985.841.555
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	984.338.786	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	13.902.834.614	13.410.665.221
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.35	10.296.600.315	13.320.100.315
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.35	527.023.199.565	280.664.807.798
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		682.934.804	5.847.350.951
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.36	682.934.804	5.847.350.951
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.37	190.462.882.947	136.801.772.862
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.511.256.068.185	4.140.927.549.619

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**ÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		3.367.409,67	2.188.120,64
EUR		126.040,65	272.866,12
SGD		892.486,00	1.941.389,00
MYR		1.388.865,00	1.209.430,00
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc